

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5092/LĐTBXH-VPQGGN
V/v góp ý dự thảo Quyết định sửa đổi,
bổ sung Quyết định số 90/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Kính gửi:

Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại cuộc họp chiều ngày 15/11/2023 với đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan (Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng hồ sơ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ (*dự thảo kèm theo*).

Để hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng đề nghị quý cơ quan góp ý hồ sơ dự thảo Quyết định nêu trên.

Văn bản góp ý xin gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, địa chỉ: 35 Trần Phú, Ba Đình, Thành phố Hà Nội; điện thoại: 024 37478677; email: giamngheo@molisa.gov.vn) **trước ngày .05../12../2023** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VPQGGN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Văn Thanh

DANH SÁCH

1. Bộ Tư pháp
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3. Bộ Tài chính
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5. Văn phòng Chính phủ
6. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
8. Vụ Pháp chế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Số: /TTr-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 07/8/2023 của phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2023; Công văn số 666/TTg-QHĐP ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy triển khai 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24/9/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Phiên họp thứ 4 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trực tuyến với các địa phương về sơ kết tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ năm 2021 đến nay và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới, Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại cuộc họp chiều ngày 15/11/2023 với đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan (Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ) và đại diện Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan liên quan hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình) ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
- Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Căn cứ thực tiễn

- a) Về người lao động có thu nhập thấp

- Trong báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình đã xác định mục tiêu: **Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng cho khoảng 50.000 người lao động cho các ngành, nghề trọng điểm**; đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho khoảng 1 triệu người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp **phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương. Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án 1 Dự án 4 cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng này (khoảng 2.000 tỷ đồng).**

- Tại Quyết định số 90/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ quy định **“người lao động có thu nhập thấp”** là một trong các đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề từ Chương trình; Bộ Tài chính đã quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động có thu nhập thấp tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC; nguồn vốn của Chương trình đã bố trí cho cả giai đoạn 2021-2025 và hằng năm để hỗ trợ đào tạo nghề. Tuy nhiên, đối tượng **“người lao động có thu nhập thấp”** chưa có văn bản xác định cụ thể.

- Nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 4 thuộc Chương trình giai đoạn 2021-2025

Tổng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương bố trí cho Tiểu dự án 1 Dự án 4 là 5.000 tỷ đồng; vốn sự nghiệp ngân sách địa phương là 4.500 tỷ đồng và vốn huy động khác là 3.500 tỷ đồng.

Giai đoạn 2021-2023, ngân sách trung ương, ngân sách địa phương đã bố trí khoảng 2.379,362 tỷ đồng vốn sự nghiệp để thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 4 thuộc Chương trình, trong đó có hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp thuộc Chương trình.

- Theo báo cáo của các địa phương, giai đoạn 2021-2022 và 6 tháng đầu năm 2023 các địa phương đã hỗ trợ 369,712 tỷ đồng để đào tạo kỹ năng nghề cho **khoảng 47.800 người lao động** thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; riêng ***đối tượng người lao động có thu nhập thấp chưa được hỗ trợ triển khai do chưa có văn bản xác định cụ thể.***

- Có 17 địa phương có văn bản kiến nghị và nhiều địa phương khác phản ánh, đề nghị, **Đoàn giám sát tối cao của Quốc hội** cũng đề nghị Chính phủ xác định rõ về đối tượng **“người lao động có thu nhập thấp”** để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện.

Để giải quyết vướng mắc của các địa phương, kiến nghị của Đoàn giám sát của Quốc hội (Báo cáo số 550/BC-ĐGS ngày 21/10/2023), chỉ đạo của Chính phủ (Nghị quyết số 124/NQ-CP), Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 666/TTg-QHĐP) và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Thông báo số 392/TB-VPCP) đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, đề xuất đề trình cấp có thẩm quyền quyết định về đối tượng người lao động có thu nhập thấp để hỗ trợ đào tạo nghề của Chương trình.

b) Tại điểm b khoản 1 Mục IV Chương trình (Kinh phí thực hiện Chương trình) do sai sót về mặt kỹ thuật nên có sự thiếu thống nhất giữa tổng nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo tính chất của nguồn vốn (vốn đầu tư, vốn sự nghiệp) với chi tiết nguồn vốn đối ứng của địa phương theo từng tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình. Nguồn vốn ngân sách địa phương tổng vốn không thay đổi (12.690 tỷ đồng), nhưng khi cộng nguồn vốn các dự án, tiểu dự án tại mục III thì nguồn vốn đầu tư tăng 1.000 tỷ đồng, nguồn vốn sự nghiệp giảm 1.000 tỷ đồng so với nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn sự nghiệp tại mục IV.

Tại Báo cáo thẩm tra số 2057/BC-UBXH15 ngày 20/10/2023 của Ủy ban Xã hội của Quốc hội báo cáo thẩm tra kết quả tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, Ủy ban Xã hội kiến nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình cấp có thẩm quyền sửa đổi nội dung này để bảo đảm thống nhất trong văn bản.

Từ căn cứ pháp lý nêu trên và yêu cầu của thực tiễn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại cuộc họp chiều ngày 15/11/2023, cần thiết phải ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động có thu nhập thấp.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích

Bảo đảm thực hiện mục tiêu đặt ra tại Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình là đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho khoảng 1 triệu người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương.

2. Quan điểm

Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan; phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, chủ trương đầu tư công Chương trình; tạo thuận lợi cho công tác triển khai hỗ trợ đào tạo nghề quy định tại Tiểu dự án 1 Dự án 4 thuộc Chương trình; không làm phát sinh đối tượng mới, không làm tăng kinh phí thực hiện Chương trình; phù hợp với thực tiễn, ưu tiên cho các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

1. Để chuẩn bị xây dựng dự thảo Quyết định, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương sơ kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, chỉ rõ những vướng mắc cần giải quyết và căn cứ để giải quyết.

2. Xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các bộ, ngành liên quan, các địa phương theo quy định.

3. Tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các bộ, địa phương, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Về một số nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Về người lao động có thu nhập thấp

Sửa đổi, bổ sung cách xác định đối tượng người lao động có thu nhập thấp tại điểm a khoản 4 Mục III như sau:

“Người lao động có thu nhập thấp quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg để hỗ trợ đào tạo nghề là người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 21/7/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đến khi kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Người lao động thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình xác định theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

Người lao động thuộc hộ làm việc trong lĩnh vực khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.”

Căn cứ đề xuất:

- Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê về kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2022: Ở khu vực nông thôn, thu nhập bình quân là 3,86 triệu đồng/người/tháng, chi tiêu bình quân là gần 2,5 triệu đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, thu nhập bình quân là gần 5,95 triệu đồng/người/tháng, chi tiêu bình quân là 3,3 triệu đồng/người/tháng.

- Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 21/7/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) quy định chuẩn hộ có mức sống trung bình:

Khu vực nông thôn là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng; khu vực thành thị là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Như vậy, *chuẩn thu nhập bình quân đầu người cao nhất của hộ có mức sống trung bình theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP thuộc khu vực nông thôn bằng 58,29% mức thu nhập bình quân và 90% mức chi tiêu bình quân; chuẩn thu nhập bình quân đầu người cao nhất của hộ có mức sống trung bình khu vực thành thị bằng 50,4% mức thu nhập bình quân và bằng 90,91% mức chi tiêu bình quân (theo báo cáo thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2022).* Theo quy định chuẩn hộ có mức sống trung bình, phần đa người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình có thu nhập thấp hơn mức thu nhập bình quân/người/tháng thuộc diện có thu nhập thấp.

Phần lớn người lao động thuộc hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (Khu vực nông thôn là 1,5 - 2,25 triệu đồng; khu vực thành thị là 2-3 triệu đồng) thuộc diện lao động có thu nhập thấp so với mức thu nhập bình quân.

- Về việc xác định đối tượng người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình

+ Đối với lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và diêm nghiệp: Hiện nay đã có quy định quy trình xác định hộ có mức sống trung bình (Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025), các địa phương đã rà soát, xác định và có danh sách từng hộ cụ thể để xem xét hỗ trợ đào tạo nghề được ngay, *không phải ban hành quy định mới về tiêu chí, quy trình, không phải tổ chức rà soát xác định đối tượng* để xem xét hỗ trợ đào tạo nghề. Theo tổng hợp từ số liệu báo cáo của các địa phương được phân bổ ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình, năm 2022 có khoảng 2.081.000 hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình với 7.912.000 nhân khẩu: 4.812.000 lao động (chiếm 60,81%); trong đó lao động đã qua đào tạo nghề khoảng 2.521.000 lao động (chiếm 52,38%). Như vậy, còn khoảng 47,62% số lao động thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình chưa qua đào tạo.

+ Đối với lĩnh vực khác: hiện nay chưa có quy định quy trình xác định hộ có mức sống trung bình thuộc các lĩnh vực phi nông, lâm, ngư và diêm nghiệp. Do vậy, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương để quy định việc xác định đối tượng này để thực hiện việc hỗ trợ đào tạo nghề.

Hiện nay, tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp cũng giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương đối với hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người

bán hàng rong, quà vật, buôn chuyên, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

b) Về kinh phí thực hiện Chương trình, sửa lỗi kỹ thuật như sau: “Vốn ngân sách địa phương: 12.690 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 2.700 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 9.990 tỷ đồng);”

c) Về tổ chức thực hiện: bổ sung quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định việc xác định đối tượng để thực hiện việc hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại điểm a khoản 4 Mục III. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, xác định người lao động có thu nhập thấp để hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại điểm a khoản 4 Mục III; tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn được cấp có thẩm quyền giao theo quy định

2. Nội dung chủ yếu của dự thảo Quyết định

Quy định gồm 3 điều như sau:

- Điều 1: Quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều 2: Quy định về hiệu lực thi hành.

- Điều 3: Quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Tài liệu kèm theo gồm:

- *Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;*

- *Bảng tổng hợp tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; bản chụp các văn bản góp ý của các Bộ, ngành, địa phương.*

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Tư pháp; KHĐT, TC, NNPTNT (để p/h);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, VPQGGN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Văn Thanh

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Thủ tướng Chính phủ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Quyết định số 90/QĐ-TTg) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung cách xác định đối tượng người lao động có thu nhập thấp tại điểm a khoản 4 Mục III như sau:

“Người lao động có thu nhập thấp quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg để hỗ trợ đào tạo nghề là người lao động thuộc hộ có mức sống trung bình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đến khi kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Người lao động thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình xác định theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy

định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

Người lao động thuộc hộ làm việc trong lĩnh vực khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Mục IV như sau:

“b) Vốn ngân sách địa phương: 12.690 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 2.700 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 9.990 tỷ đồng);”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Mục VI như sau:

“h) Quy định việc xác định đối tượng để thực hiện việc hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại điểm a khoản 4 Mục III. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, xác định người lao động có thu nhập thấp để hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại điểm a khoản 4 Mục III; tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính